

QUA HỘI THẢO

«liên kết khoa học và sản xuất trong ngành xây dựng cơ bản»

NGUYỄN VĂN QUANG — ĐẶNG TRẦN PHÁCH

Việc áp dụng kỹ thuật tiên bộ vào sản xuất nói chung và trong ngành xây dựng cơ bản nói riêng đã đạt được một số kết quả, song tỉ lệ các KTTB được áp dụng vào sản xuất chưa nhiều. Tồn tại này do nhiều nguyên nhân, bài viết đề cập tới vấn đề này qua Hội thảo liên kết khoa học - sản xuất trong ngành xây dựng cơ bản được tổ chức tháng 12-1988 tại Hà Nội.

TRONG những năm qua đã có nhiều Nghị quyết của Đảng, văn bản chỉ thị của Nhà nước nhằm khẳng định vai trò của khoa học kỹ thuật (KHKT) trong xây dựng kinh tế và sự cần thiết phải đưa nhanh các kỹ thuật tiên bộ (KTTB) vào thực tế sản xuất.

Từng cơ quan nghiên cứu, mỗi trường đại học và mỗi cơ sở sản xuất đều cố gắng triển khai các hoạt động KHKT. Thực tế cho thấy nơi nào quyết tâm dựa vào KHKT, đề giải quyết khó khăn trong sản xuất và mạnh dạn đưa những KTTB vào sản xuất thì đều đạt được những tiến bộ.

Cùng với nhiều ngành sản xuất vật chất khác, ngành xây dựng cơ bản (XD CB) cũng đạt được một số kết quả tốt trong việc áp dụng KTTB vào sản xuất. Song tất cả những ai quan tâm đến công tác XD CB đều không khỏi băn khoăn, đều cảm thấy chưa hài lòng với những KTTB đã được đưa vào sản xuất từ những năm qua. Những điều làm được chưa nhiều, chưa đáp ứng được hết những yêu cầu của sản xuất xây dựng, chưa phát huy được nhiều tiềm năng chất xám toàn ngành.

Nhìn chung, thời gian từ nghiên cứu đến đưa vào áp dụng trong thực tế sản xuất còn dài, bình thường phải mất 5 đến 7 năm, có khi kéo dài đến 10 năm. Lợi ích áp dụng KTTB đều được mọi người nhất trí xác nhận, nhưng lại gặp nhiều khó khăn trong việc đưa vào thực tế sản xuất. Khi thì phía sản xuất không nhiệt tình tiếp nhận, lúc thì phía nghiên cứu chưa bám sát, bám chắc những yêu cầu và điều kiện thực tế của sản xuất, khi thì cơ chế quản lý nghiên cứu, áp dụng KTTB còn nhiều phức

tạp, phiền phức, khi thì cơ sở pháp lý chưa được cụ thể nhằm đảm bảo quyền chính đáng của tác giả nghiên cứu cũng như nhằm tạo điều kiện cho việc áp dụng KTTB được chắc chắn, rộng khắp. Và còn nhiều vấn đề khác xung quanh việc đưa KTTB vào sản xuất như chế độ cấp phát vốn cho nghiên cứu và ứng dụng như thế nào cho thuận tiện có hiệu quả, khuyến khích được việc đưa nhanh KTTB vào sản xuất, những quy định nhằm thống nhất cách tính toán hiệu quả kinh tế đối với mỗi nghiên cứu được đưa vào áp dụng (cơ sở của việc tính xét thưởng), chế độ khen thưởng, khuyến khích vật chất và tinh thần đối với tập thể và cá nhân có công sức trong việc đưa KTTB vào sản xuất.

Tóm lại, để tạo điều kiện thuận lợi đưa nhanh KTTB vào sản xuất, phải nghiên cứu giải quyết hàng loạt các vấn đề tồn tại nêu trên. Việc nghiên cứu đó không thể chỉ do các cơ quan quản lý đề xuất mà nó phải dựa trên sự điều hòa lợi ích của nhiều phía từ quản lý đến nghiên cứu và sản xuất.

Nhiều năm qua, trong việc tổ chức nghiên cứu đưa KTTB vào sản xuất, tổ chức quản lý (KHKT và kế hoạch) thường làm việc theo hệ dọc của mình, theo kế hoạch KHKT, chỉ đạo các tổ chức nghiên cứu (chủ yếu khối các viện) tiến hành việc nghiên cứu. Còn cơ sở sản xuất lại làm theo cách của mình, khi cần mới tìm đến cơ sở nghiên cứu (các trường, viện) đặt vấn đề liên kết, hợp tác. Thành ra một thời gian dài các tổ chức này (quản lý, nghiên cứu, sản xuất) chưa gắn bó chặt chẽ với nhau. Trong những năm gần đây, tuy đã có được một cơ chế cho phép liên kết nhau lại song theo quán

tin, theo cơ chế bao cấp cũ đang tồn tại trong giai đoạn đổi mới. Các tổ chức này vẫn còn rời rạc; vẫn chưa thực sự hiệu quả.

Nhằm liên kết khoa học và kỹ thuật với sản xuất từng ngành XDCT, tháng 12-88, Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước đã tổ chức một hội thảo để tìm hiểu yêu cầu, vướng mắc cũng như những khuyến nghị của các khối quản lý, nghiên cứu, đào tạo và sản xuất.

Có thể nói rằng đây là lần gặp gỡ chính thức đầu tiên của tất cả những đại biểu trong ngành XDCT (xây dựng, giao thông, thủy lợi), những người có trách nhiệm trong quản lý nhà nước về KHKT, các đồng chí viện trưởng các viện nghiên cứu, hiệu trưởng các trường đại học và các tổng giám đốc, giám đốc các cơ sở sản xuất xây dựng. Không phải tất cả nhưng là những đại biểu tiêu biểu.

Qua tham luận, thảo luận các đại biểu đã cùng nhau khẳng định vai trò tích cực mà KHKT đã tác động vào sản xuất.

Các đại biểu đều xác nhận sự cần thiết của một hội nghị liên kết kiểu này. Khối quản lý nghiên cứu có dịp hiểu thêm những suy nghĩ, yêu cầu của sản xuất để từ đó có thể tiếp cận tốt nhất với sản xuất.

Anh Phan Văn Ôn, giám đốc Công ty thiết kế xây dựng đã hào hứng cho biết: « Khi nghe nói có thiết kế tổ chức phân phối đều nước cho các tầng của nhà nhiều tầng khu tập thể là tôi cho người đi tìm mua ngay thiết kế đó. Những đề tài nghiên cứu áp dụng KTTB loại đó, sản xuất chúng tôi rất cần ».

Mặt khác sản xuất cũng có dịp thông cảm với các cơ quan nghiên cứu, trường học. Anh Nguyễn Bá Kế, viện trưởng Viện nghiên cứu khoa học xây dựng phát biểu đại ý: Vì không có cơ chế, pháp lý bảo hộ quyền tác giả nghiên cứu nên nghiên cứu phải gửi « tù » của mình, không thể trao hết bí quyết cho sản xuất:

Đồng chí Trần Hùng, phó tổng giám đốc Liên hiệp xí nghiệp xây dựng Hà Nội lại chứng minh rằng do giá cả trong và ngoài chênh nhau, không hợp lý, nên việc áp dụng KTTB vào sản xuất chỉ có lỗ. Nếu chỉ áp dụng một vài KTTB riêng lẻ mà không đặt vấn đề trong tổng thể một kết cấu thì việc ứng dụng KTTB không có ý nghĩa (làm gạch rỗng nhẹ mà không giảm bớt khối lượng kết cấu chịu lực thì không kinh tế).

Mỗi đại biểu đều đem đến hội thảo những tâm tư, những tích lũy kinh nghiệm sống của lao động quá khứ của mình nhưng với ý thức trách nhiệm, những trăn trở của mình. Và cũng vì vậy mà hội thảo trở thành nơi gửi gắm tâm sự, nơi hẹn hò tìm hiểu và thông cảm của

những người cùng làm một sự nghiệp chung — xây dựng những công trình cho Tổ quốc.

Chính do những đồng cảm với lợi ích chung mà trong kết luận của hội thảo, anh Lê Quý An, phó chủ nhiệm Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước, chủ trì hội thảo đã nêu một đề nghị là tiếp tục duy trì kiểu hội thảo này, coi đây là hình thức đầu của một câu lạc bộ giám đốc, không chỉ xem xét đến những vấn đề bao quát mọi lĩnh vực mà có thể còn đi sâu vào từng chuyên môn, từng chuyên đề. Có lẽ đây cũng là ý kiến chung của các đại biểu tham dự hội thảo.

Những việc cần tiếp tục nghiên cứu để giải quyết mà hội thảo đã trao đổi, nêu ra, không ngoài những tồn tại như đã biết.

Trước hết là vấn đề định hướng những đề tài KTTB tuyển chọn sẽ được áp dụng vào sản xuất. Về vấn đề này ý kiến anh Phan Văn Ôn đáng được chú ý. Anh cho rằng nên xem xét ngay những yêu cầu khó khăn trực tiếp của sản xuất, có tính thời sự ngắn hạn để mà đưa kỹ thuật vào nghiên cứu, giải quyết. Những đề tài nghiên cứu cơ bản lâu dài chỉ nên chiếm 1 tỷ lệ ít. Mặt khác 1 đề tài được tuyển chọn phải thiết thực, phải xuất phát từ điều kiện cụ thể của trình độ sản xuất, Chớ nên dốt được tìm bạn giữa ban ngày mà cũng không nên gọt chân cho vừa giày chọn trước.

Theo ý anh Thanh Bình tổng giám đốc Liên hiệp các xí nghiệp quản lý giao thông đường thủy, công tác kế hoạch hóa đưa KTTB vào sản xuất cũng cần nghiên cứu đổi mới cách làm. Có lẽ nên thay thế kế hoạch áp dụng KTTB do các cơ quan quản lý kế hoạch và KHKT cấp trên dàn xếp bằng 1 kế hoạch do chính từ cơ sở sản xuất xây dựng. Phải chỉ rõ địa chỉ áp dụng ngay từ ban đầu, khi đề tài nghiên cứu mới được hình thành. Tất nhiên kế hoạch này phải đồng bộ, hiện thực. Chỉ những KTTB áp dụng có tầm cỡ lớn, vốn nhiều, chưa xác định thật rõ cơ quan chủ đầu tư mới nên có sự can thiệp của cơ quan quản lý nhà nước, ngành.

Đổi mới công tác kế hoạch hóa đòi hỏi đổi mới cơ chế thực hiện. Rõ ràng hình thức cấp vốn thực hiện sau đó thu hồi nộp ngân sách, nhiều năm qua, đã không phát huy tác dụng, khó thực hiện.

Cơ chế hợp đồng mà Nhà nước đã cho phép rất thích hợp với tình hình mới khi mà quyền tự chủ của các cơ sở nghiên cứu, sản xuất kinh doanh được mở rộng. Rất nhiều đại biểu tán thành cơ chế hợp đồng. Trong trường hợp này Nhà nước chỉ cần rót thêm 1 ít vốn hỗ trợ và tạo điều kiện liên kết nghiên cứu rộng

rãi. Phần lớn vốn sẽ do cơ sở sản xuất gánh vác nếu họ tự chọn đề tài, nếu KTTB đó thật sự giúp họ giải quyết khó khăn. Có nhiều đại biểu cho rằng khi cần họ sẵn sàng mua gọn KTTB, giá cả sẽ theo tính toán, hợp lý và cùng nhau thỏa thuận.

Những khía cạnh về pháp lý của vấn đề đưa KTTB vào sản xuất cũng được đề cập. Hội thảo cho rằng phải có những quy định có tính pháp lý để một đề tài nghiên cứu xong có hiệu lực áp dụng rộng rãi thể hiện qua hệ thống quy phạm, quy trình. Cũng phải qua quy định pháp lý để bảo hộ quyền khi giả tác có KTTB được áp dụng vào sản xuất, tránh được hiện tượng giữ bí quyết kỹ thuật, hạn chế việc phổ cập KTTB.

Trong hội thảo nhiều vấn đề khác cũng được nêu ra nhằm tạo điều kiện để KTTB có thể được áp dụng nhanh chóng. Các đại biểu đề nghị ngân hàng nên nghiên cứu chế độ vay vốn (với lãi suất thấp hoặc không có lãi) hùn, vốn cho áp dụng KTTB. Mặt khác cũng nhanh chóng ban hành hướng dẫn cụ thể việc áp dụng các quy định về khuyến khích vật chất, tinh thần cho những cá nhân tập thể có KTTB được áp dụng vào sản xuất, nghiên cứu các đòn bẩy kinh tế nhằm thúc đẩy cơ sở sản xuất áp dụng KTTB. Về mặt lý thuyết cũng nên nghiên cứu phương pháp hướng dẫn tính toán hiệu quả kinh tế áp dụng KTTB trong ngành xây dựng, làm cơ sở cho việc sử dụng các đòn bẩy kinh tế.

Qua hội thảo, những vấn đề chung và lớn đã được đề cập những nét chính đã được phác thảo. Chắc chắn rằng sẽ còn phải kinh qua thử nghiệm trong thực tế sản xuất mới có thể thấy

(Xem tiếp trang 34)

Vấn đề bảo vệ và nâng cao hiệu quả của công trình thủy lợi

NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG

Nhiều công trình thủy lợi đã xây dựng chưa phát huy được hết tác dụng. Việc bảo vệ và quản lý để nâng cao hiệu quả của công trình cần phải được quan tâm. Điều đó đòi hỏi mọi người, các cấp chính quyền, các ngành liên quan cần nhận thức đầy đủ và phối hợp hoạt động nhịp nhàng nhằm quản lý, tổ chức khai thác tốt các công trình đó.

Để thực hiện thắng lợi chương trình lương thực của Đảng, công tác thủy lợi có vị trí và tác dụng vô cùng quan trọng. Cùng với việc hàng năm Nhà nước và nhân dân đầu tư vào xây dựng mới nhiều công trình thủy lợi để mở rộng thêm diện tích sản xuất được tưới tiêu chủ động, công tác quản lý để nâng cao hiệu quả của công trình hiện có cũng rất có ý nghĩa.

Việt Nam là một trong những nước trên thế giới mà nguồn lương thực chủ yếu của con người là lúa gạo. Sự xuất hiện ngày càng nhiều nhiều giống lúa mới có năng suất cao đã mở ra một viễn cảnh thuận lợi, nhưng để đưa được giống lúa đó vào sản xuất thì ngoài các điều kiện phân bón, thuốc trừ sâu, v.v. thì yêu cầu về tưới tiêu chủ động, khoa học là quyết định. Theo số liệu thống kê trên thế giới chỉ có 17% diện tích canh tác được tưới tiêu chủ động nhưng đã đóng góp hơn 50% tổng sản lượng về nông nghiệp. Nhật Bản là nước trồng nhiều lúa nước và sử dụng nhiều giống lúa có năng suất cao nhưng cũng đầu tư khá nhiều các công trình thủy lợi và cố gắng rất nhiều để phát triển tưới tiêu, bảo đảm điều tiết cấp thoát nước, quản lý hợp lý mới có được những thành công trong nông nghiệp.

trong điều kiện hiện nay cần có sự sắp xếp tổ chức thiết kế cho thật hợp lý. Các công trình công nghiệp do rất nhiều các cơ quan thiết kế ngoài nước và trong nước thiết kế, có nhiều cơ quan, tổ chức không có chức năng thiết kế các công trình công nghiệp cũng tự đảm nhận làm việc này, có lúc thực chất lại giao cho những cá nhân không đủ trình độ và kiến thức cần thiết đảm nhận. Do vậy đã gây ra những vấn đề nghiêm trọng về chất lượng công trình, gây lãng phí lớn, làm khó khăn thêm cho nền kinh tế đất nước. Vì vậy tôi cho rằng, Nhà nước cần có những quy định chặt chẽ về việc xét duyệt thiết kế tập trung cho một cơ quan có chức năng. Ở đây muốn đề cập tới là ngay cả việc xét duyệt thiết kế ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật thi công, vì ở giai đoạn này mới để bộc lộ các nhược điểm quan trọng của bản thiết kế. Đối với các công trình do nước ngoài thiết kế cũng cần có các thủ tục cần thiết để kiểm tra chất lượng. Chức năng này có thể giao cho các viện thiết kế chuyên ngành đảm nhận.

Lâu nay các phương án kiến trúc thường có tổ chức thi tuyển, vậy đề nghị phương án thiết kế kết cấu cũng nên tổ chức thi tuyển chọn kết cấu tối ưu và phê phán những kết cấu không mang tính kinh tế kỹ thuật. Tin rằng với sự thống nhất quản lý của Bộ xây dựng, các ngành và các địa phương cũng ra sức phát huy sáng tạo lập nên những kỉ cương mới, chúng ta sẽ có được các giải pháp thiết kế các công trình công nghiệp có chất lượng cao sát thực tế, mang lại được năng suất, chất lượng và hiệu quả trong xây dựng.

Biên tập: Nguyễn Đức Trí

NHỮNG NHÂN TỐ...

(Tiếp theo trang 27)

không thành vốn đề. Vốn đề coi là bái tượng cái gọi là «thi đua» (emulation), phần lớn chúng ta nhận nhớ khi nghe thấy từ «thi đấu» (Competition) tuy rằng hai từ này cùng nghĩa.

Thi đấu thực sự đòi hỏi dân chủ hóa các quan hệ kinh tế nghĩa là người sản xuất có quyền lựa chọn nguồn nguyên liệu, thỏa thuận về giá, ngày giao hàng và sử dụng lợi tức theo ý muốn. Một tiền lệ sống còn khác là sự tự do phát triển các thực thể kinh tế (xí nghiệp) đã có và dùng những cái mới.

Từ đó suy ra dân chủ, thi đấu và tiến bộ KHKT không thể tách rời nhau được. Tiến bộ KHKT không xuất hiện nếu không có hai yếu tố trên. Nếu nhận thức được và có hành động thích hợp, bức tranh kinh tế sẽ thay đổi tốt hơn. Tuy nhiên tư tưởng vị kỹ thuật (technocratic) đối với tiến bộ KHKT còn thống trị ở nước chúng ta. Các cơ quan quản lý nên thiết lập chương trình KHKT dài hạn và trung bình hơn là trao quyền độc lập kinh tế thực sự cho nhà máy và tổ hợp; tạo những điều kiện thuận lợi để phát triển hợp tác xã và dùng hợp tác xã đấu với quốc doanh độc quyền.

Hình như là các cơ quan kinh tế trung ương còn cố ảo tưởng là tiến bộ KHKT không phải do các định luật kinh tế chi phối mà do những nghị quyết của họ. Quan điểm này đầy rẫy nguy hiểm là chúng ta sẽ lạc hậu và lạc hậu mãi so với phương Tây về phương diện kỹ thuật. Tiến bộ tăng tốc trong thế giới tư bản không có chỗ cho lạc quan và mãn nguyện kỹ thuật vô căn cứ.

Người dịch: Nguyễn Văn Huyền

Biên tập: Nguyễn Chân Giác

QUA HỘI THẢO...

(Tiếp theo trang 23)

rõ hơn nữa những chi tiết nằm trong các khía cạnh lớn. Còn phải nhiều công sức để xây dựng hoàn chỉnh 1 hệ thống biện pháp nhằm đưa nhanh KTTB vào sản xuất xây dựng.

Và vì vậy những cuộc hội thảo liên kết khoa học sản xuất giữa những người nghiên cứu và sản xuất cũng như quản lý cần được tiếp tục, không chỉ cho những vấn đề quản lý chung mà còn cả những vấn đề thuộc chuyên ngành hoặc chuyên đề. Phải luôn luôn tổ chức thông tin 2 chiều qua lại giữa nghiên cứu và sản xuất làm cho khoa học và sản xuất tìm đến nhau liên kết chặt chẽ với nhau và hỗ trợ nhau đắc lực.

Biên tập: Đặng Ngọc Bảo